

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NAM NINH - TỈNH NINH BÌNH

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ RANH GIỚI KHU ĐẤT



0	50	100	250	500	M
---	----	-----	-----	-----	---

KÝ HIỆU:

[illegible]

KÝ HIỆU

✖	TRU SỐ ĐANG LỖ - HẸM - LẶNG XẢ	🔗	ĐIỀU KIỆN THƯỜNG MÃ
📺	MÀU VÀN HOÀ	📺	KHI XUẤT CẢNH TRẦN MÃN
📺	TRƯỜNG MÃN MƠN	📺	TRÒN YẾ
📺	TRƯỜNG TIỂU HỌC	📺	CÁO
📺	TRƯỜNG THƯỜNG HỌC CỎ SỎ	📺	MÀU TÍ
📺	MÀU TRẮNG LƯU SỈ	📺	CÁM CÔNG KIỆP
📺	TRƯỜNG TÂN THẾ DỤC THẢO	📺	TRƯỜNG TÂN THẾ DỤC THẢO XẢ

UBND XÃ NAM NINH

CHỦ TỊCH
LƯU VĂN DŨNG

PHÒNG KINH TẾ XÃ NAM NINH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Quản Quản Viên

BAN QIDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ NAM NINH 2020

GIÁM ĐỐC
BÙI THỊ DIỆU HẠ

QUY HOẠCH TONG MẶT BANG TỶ LỆ 1/500

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ RANH GIỚI QUY HOẠCH

[illegible]

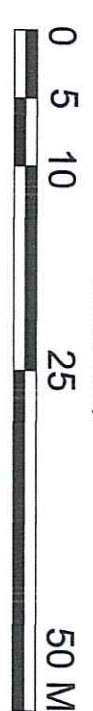
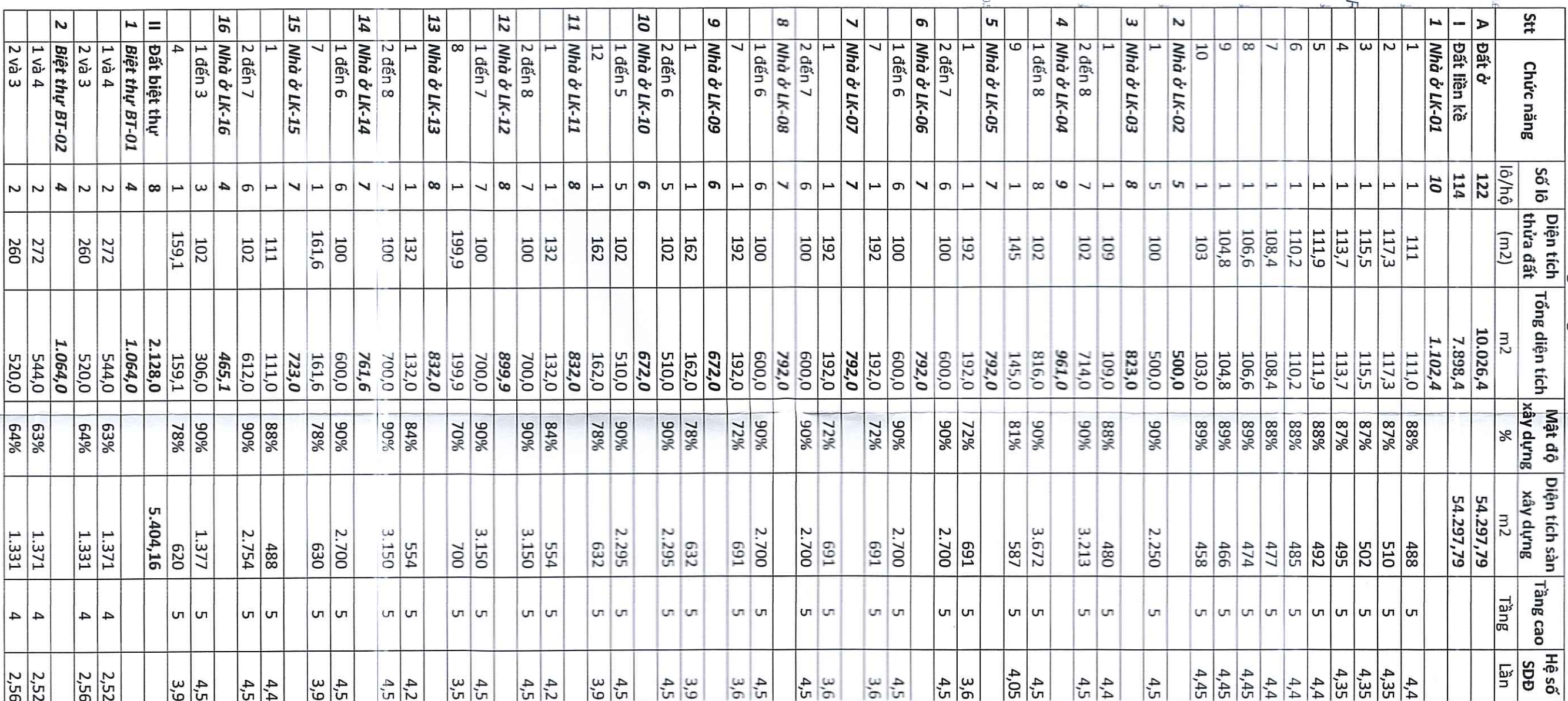
ẢNH HƯỞNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NADECO
Địa chỉ: km 2 đường Văn Cao - Phường Trưng

TÊN CÔNG TRÌNH: QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG, XÃ NAM HOA 2, HUYỆN NAM THƯỜNG
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ VỊ THẾ VÀ BÀN GIỚI KHU DẤT - TMB- 01

TỔNG MẶT BẰNG KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH (TL:1/500)

STT	Loại đất	Nhị nước	Điểm số	M&B (đ)	Chỉ số an toàn	Điểm số	H&B	Tỷ lệ
			(%)	(%)	(m)	(m)	SĐD	(%)
1	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
2	Đất đỏ nâu	Đất đỏ nâu	11.0/14	78.57	3.9m < 3.9m	40	4.5/4.5	100
3	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
4	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
5	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
6	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
7	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
8	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
9	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
10	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
11	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
12	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
13	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
14	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
15	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
16	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
17	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
18	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
19	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
20	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
21	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
22	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
23	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
24	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
25	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
26	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
27	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
28	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
29	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
30	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
31	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
32	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
33	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
34	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
35	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
36	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
37	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
38	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
39	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
40	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
41	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
42	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
43	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
44	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
45	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
46	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
47	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
48	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
49	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
50	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
51	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
52	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
53	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
54	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
55	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
56	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
57	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
58	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
59	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
60	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
61	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
62	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
63	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
64	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
65	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
66	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
67	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
68	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
69	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
70	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
71	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
72	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
73	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
74	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
75	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
76	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
77	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
78	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
79	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
80	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
81	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
82	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
83	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
84	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
85	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
86	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
87	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
88	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
89	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
90	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
91	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
92	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
93	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
94	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
95	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
96	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
97	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
98	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
99	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
100	Đất đỏ	Đất đỏ	14.54/20	72.72	3.9m < 3.9m	40	4.35/4.4	97.5
Tổng điểm tích lũy hoàn thiện								
3390/33								



	BÁT MẠCH Ồ LIỀN KÉ
	BÁT MẠCH THỤ
	BÁT CÂY XANH - ĐỎ T
	BÁT MƯỜNG
	BÁT HÀ TANG KỖ THUẬT
	BƯỜNG GIAO THÔNG THEO QUY HOẠCH XÃ
	RẠNG GIỚI QUÝ HOẠCH (TRÊN BÊN RẠNG)

LOẠI DẤT	SỐ LỚ
DÂN SỐ	
MẬT ĐỘ XD	
TẦNG CAO	
	DIỆN TÍCH
	HỆ SỐ SDD

THỨ TỰ LỎ SỔ THỨ TỰ THỬ

LK01:01	240
---------	-----

DIỆN TÍCH THỬ

HỒNG KINH TẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM





PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Giáo dục Dân tộc



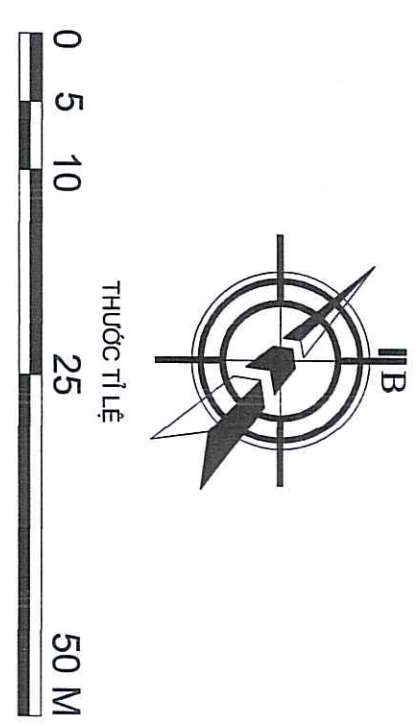
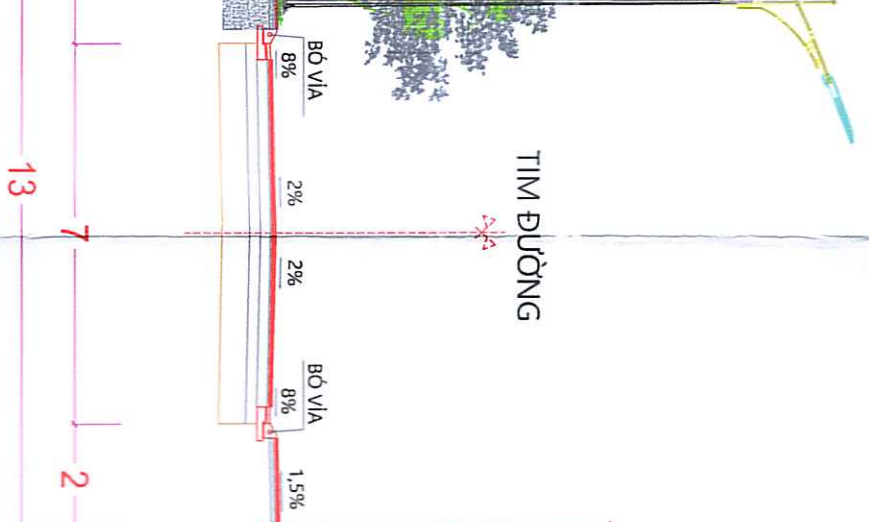
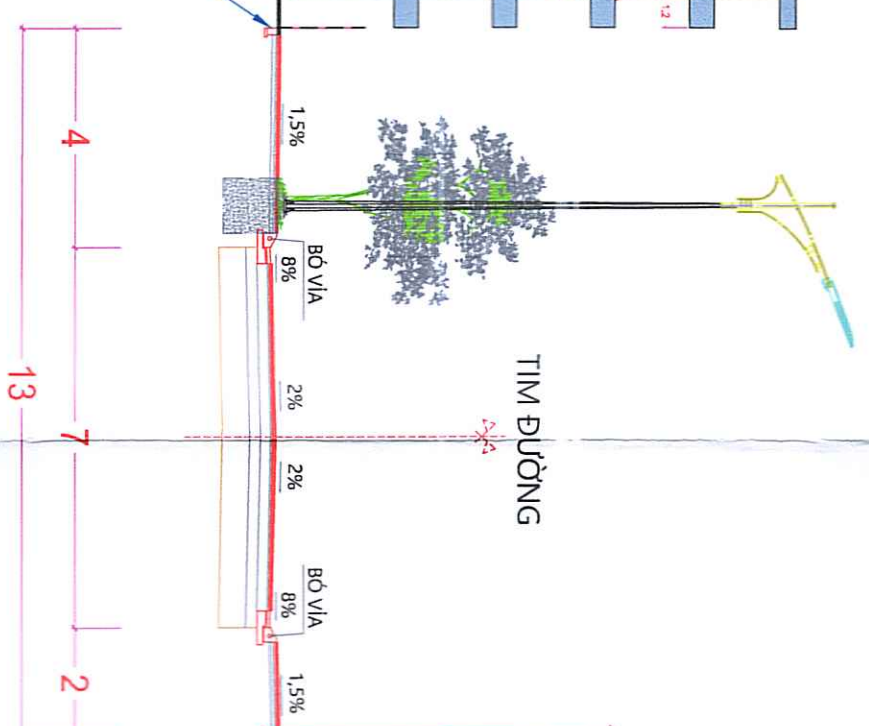
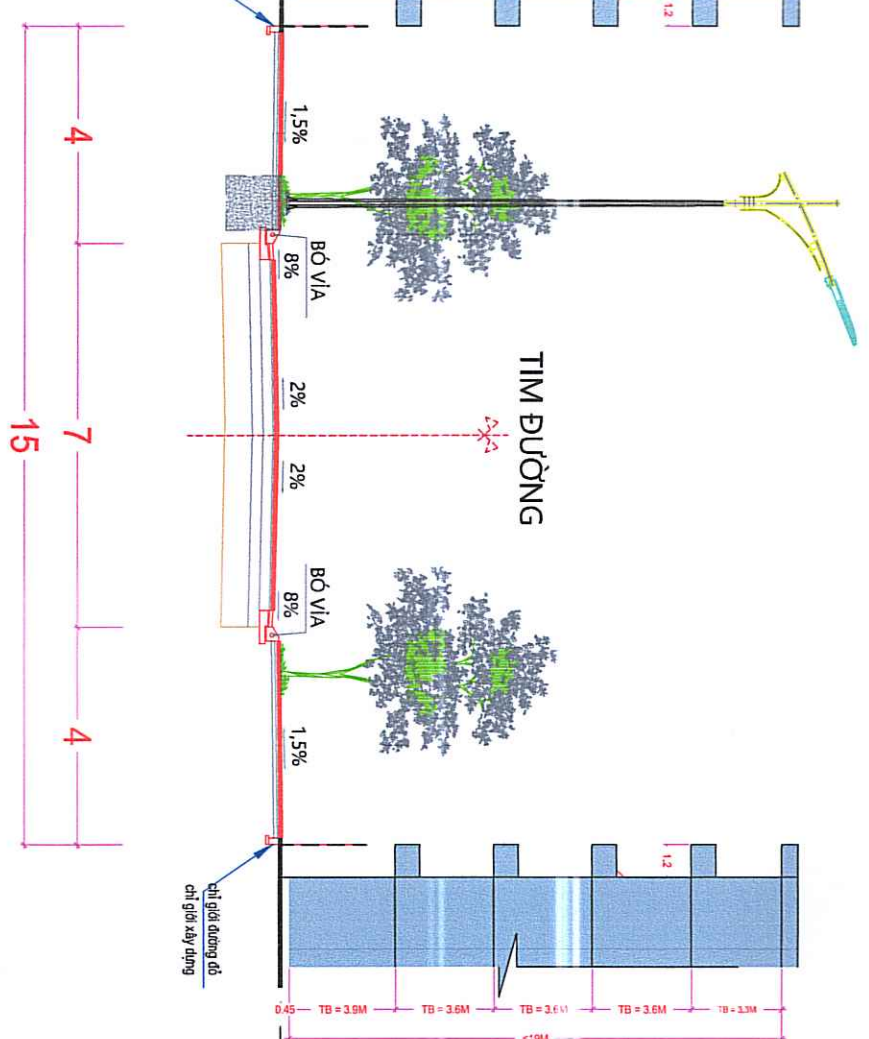
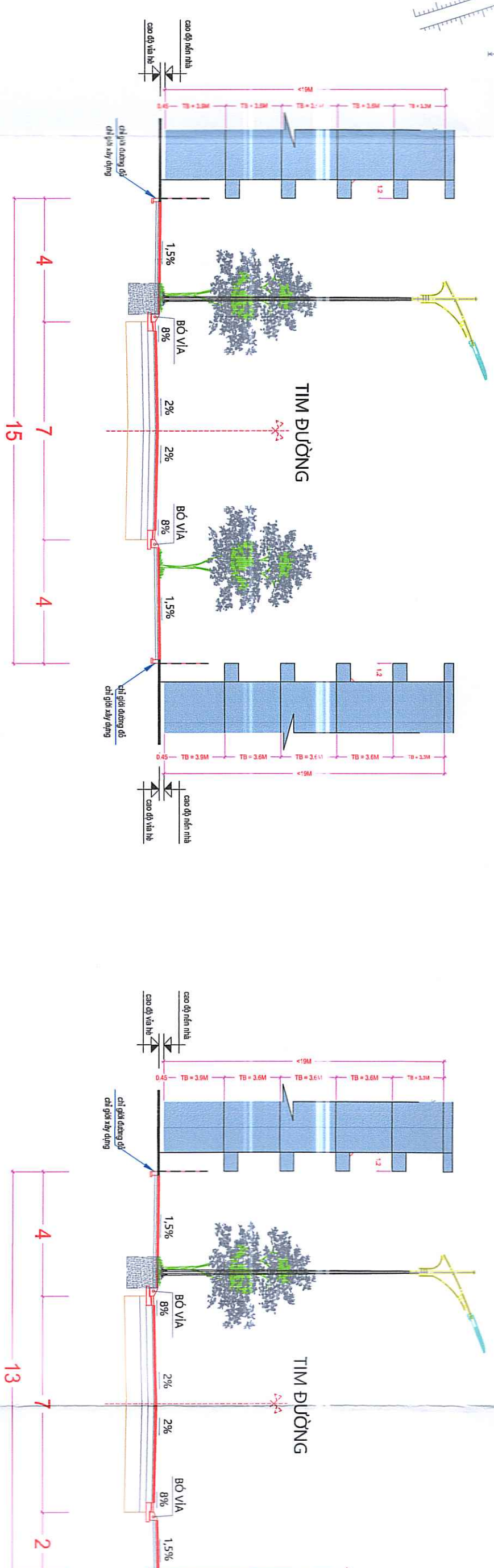
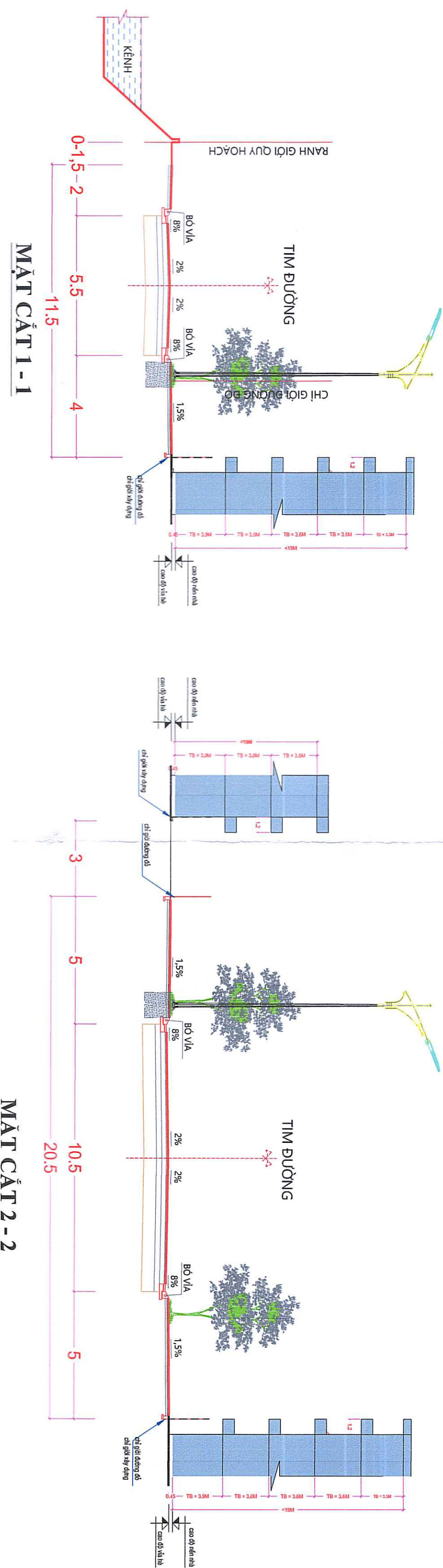
GIÁM ĐỐC
BỘ TƯ LIỆNG

BALANCE	TITLE	
01	01	01
02	02	02
03	03	03
04	04	04
05	05	05
06	06	06
07	07	07
08	08	08
09	09	09
10	10	10
11	11	11
12	12	12
13	13	13
14	14	14
15	15	15
16	16	16
17	17	17
18	18	18
19	19	19
20	20	20
21	21	21
22	22	22
23	23	23
24	24	24
25	25	25
26	26	26
27	27	27
28	28	28
29	29	29
30	30	30
31	31	31
32	32	32
33	33	33
34	34	34
35	35	35
36	36	36
37	37	37
38	38	38
39	39	39
40	40	40
41	41	41
42	42	42
43	43	43
44	44	44
45	45	45
46	46	46
47	47	47
48	48	48
49	49	49
50	50	50
51	51	51
52	52	52
53	53	53
54	54	54
55	55	55
56	56	56
57	57	57
58	58	58
59	59	59
60	60	60
61	61	61
62	62	62
63	63	63
64	64	64
65	65	65
66	66	66
67	67	67
68	68	68
69	69	69
70	70	70
71	71	71
72	72	72
73	73	73
74	74	74
75	75	75
76	76	76
77	77	77
78	78	78
79	79	79
80	80	80
81	81	81
82	82	82
83	83	83
84	84	84
85	85	85
86	86	86
87	87	87
88	88	88
89	89	89
90	90	90
91	91	91
92	92	92
93	93	93
94	94	94
95	95	95
96	96	96
97	97	97
98	98	98
99	99	99
100	100	100

[illegible]

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NAM NINH - TỈNH NINH BÌNH

TỔNG MẶT BẰNG KIỆN TRÚC CẢNH QUAN (TL: 1/500)



KÌ HIỆU

-

GHI CHÙ:

- 1 NHÀ Ở LIÊN KẾ
- 2 NHÀ Ở BIỆT THỰ
- 3 CÂY XANH

UBND XÃ NAM NINH

PHÒNG KINH TẾ XÃ HỘI XÃ NAM NINH

BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ NAM NINH *địa*

KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG, XÃ NAM HOÀ 2, HUYỆN NAM TRỰC

TỔNG MẶT BẰNG KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

BẢN VẼ: TMB - 03	TỶ LỆ: 1 / 50
------------------	---------------

CHỦ NHIỆM	KTS. TÀI HOÀNG NAM
-----------	--------------------

THẾ HIỆN	KTS. NGUYỄN VĂN TRUNG
----------	-----------------------

THIẾT KẾ	KTR. NGUYỄN VĂN TRUNG
----------	-----------------------

Giám đốc
0600321179

CÔNG TY

CO PHAN
NADECO

ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM

to find out

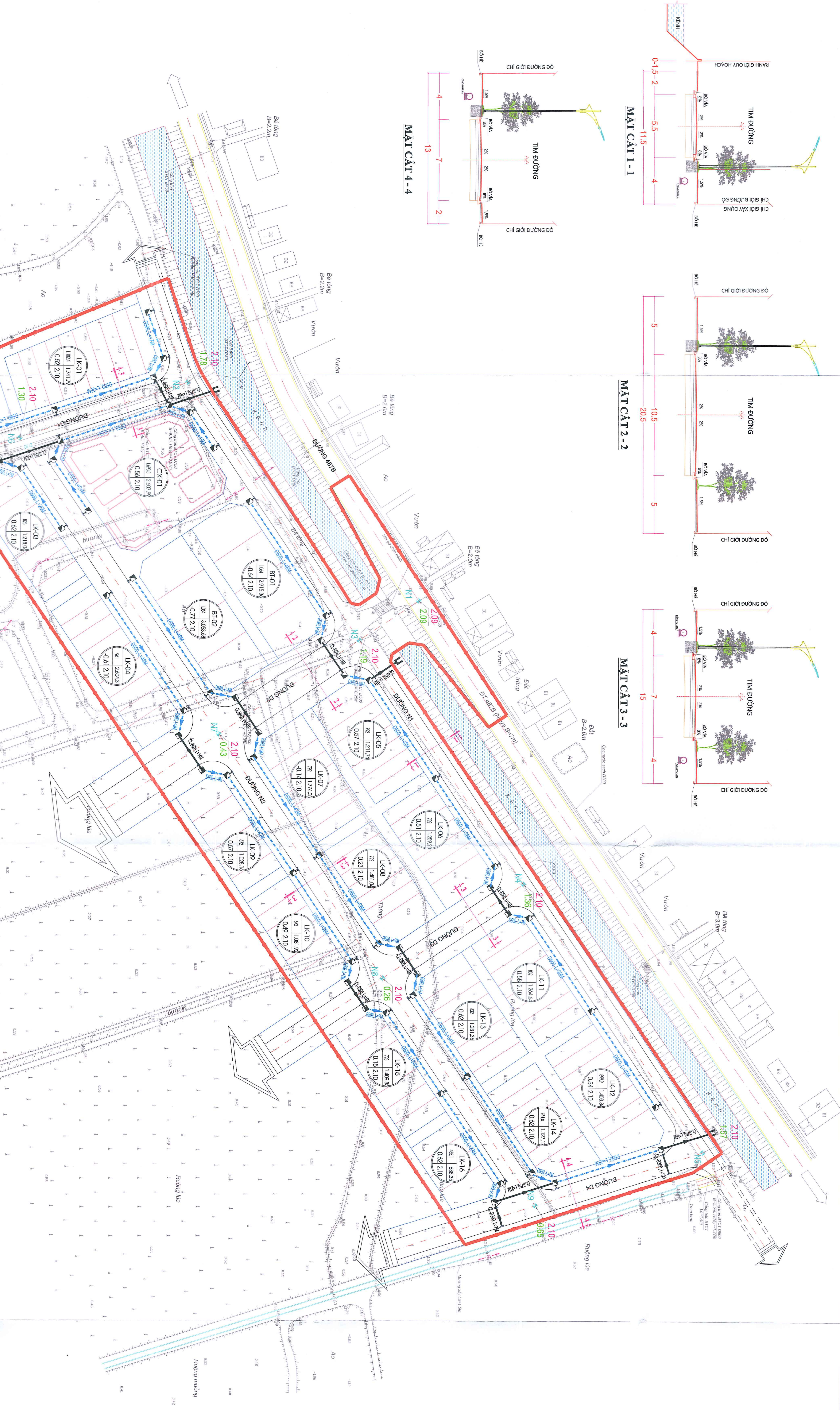
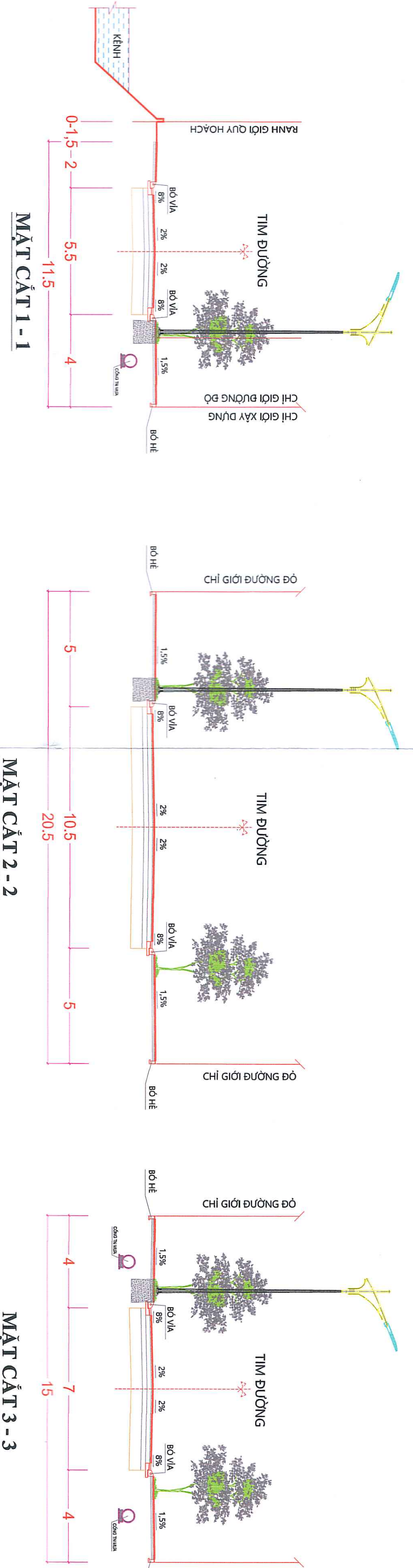
175

CONG
thị xã cũ

II CÔNG TRÌNH: QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ

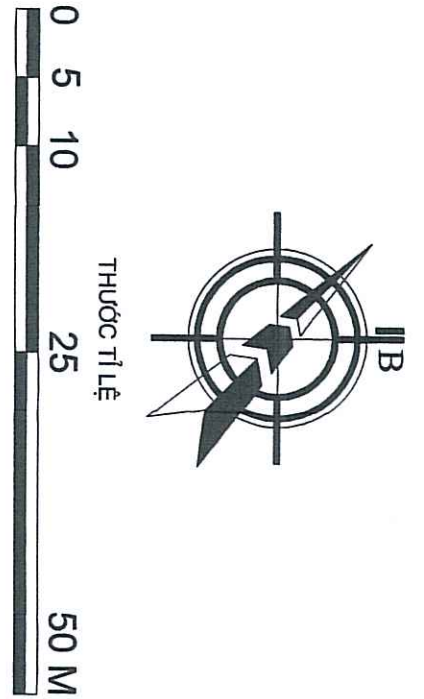
DOI: 10.1002/ma.10001

TỔNG MẶT BẰNG CHUẨN BỊ KỸ THUẬT (T.L: 1/500)

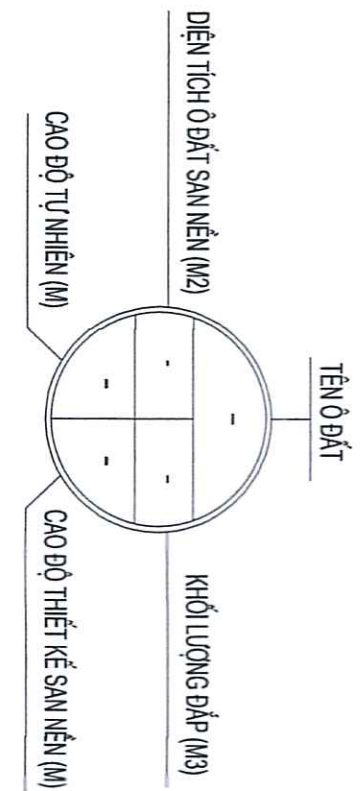


Bảng tổng hợp khối lượng san nền		
ST	Hạng mục	Đơn vị
1	Diện tích đắp nền	m ³
2	Khối lượng đắp đất (khu cây xanh)	m ³
3	Khối lượng đắp nền đường giao thông	m ³
4	Chiều dài tường kê kênh đường 487B	m
5	Chiều dài tường chắn KDC, Hb=1,5m	m

Bảng thống kê đường ống thoát nước mưa		
ST	Tên vật tư	Đơn vị
1	Cống tròn D500	m
2	Cống tròn D600	m
3	Cống tròn D750	m
4	Cống BTCL qua đường B300	m
5	Cống BTCL qua đường B600	m
6	Cống BTCL qua đường B750	m
7	Bể công BTCL	cái
8	Ga thu thăm các loại	cái
9	Cửa xả	4



- KÍ HIỆU:
- CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA
 - CÔNG THOÁT NƯỚC BTCT
 - HỒ GA
 - CỬA XẢ
 - HƯỚNG THOÁT NƯỚC
 - TIỆT DIỆN - CHIỀU DÀI
 - RÀNG GIỚI QUY HOẠCH



UBND XÃ NAM NINH

CHỦ TỊCH

LƯU VĂN DƯƠNG

PHÒNG KINH TẾ XÃ NAM NINH

TRƯỞNG PHÒNG

Sơn Văn Xương

BỘ TRƯỞNG

TRẦN VĂN HẢI

SƠ HOẠCH CHỈ TIẾT TỶ LỆ 1/500

KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG, XÃ NAM HOA 2, HUYỆN NAM TRỰC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM NINH

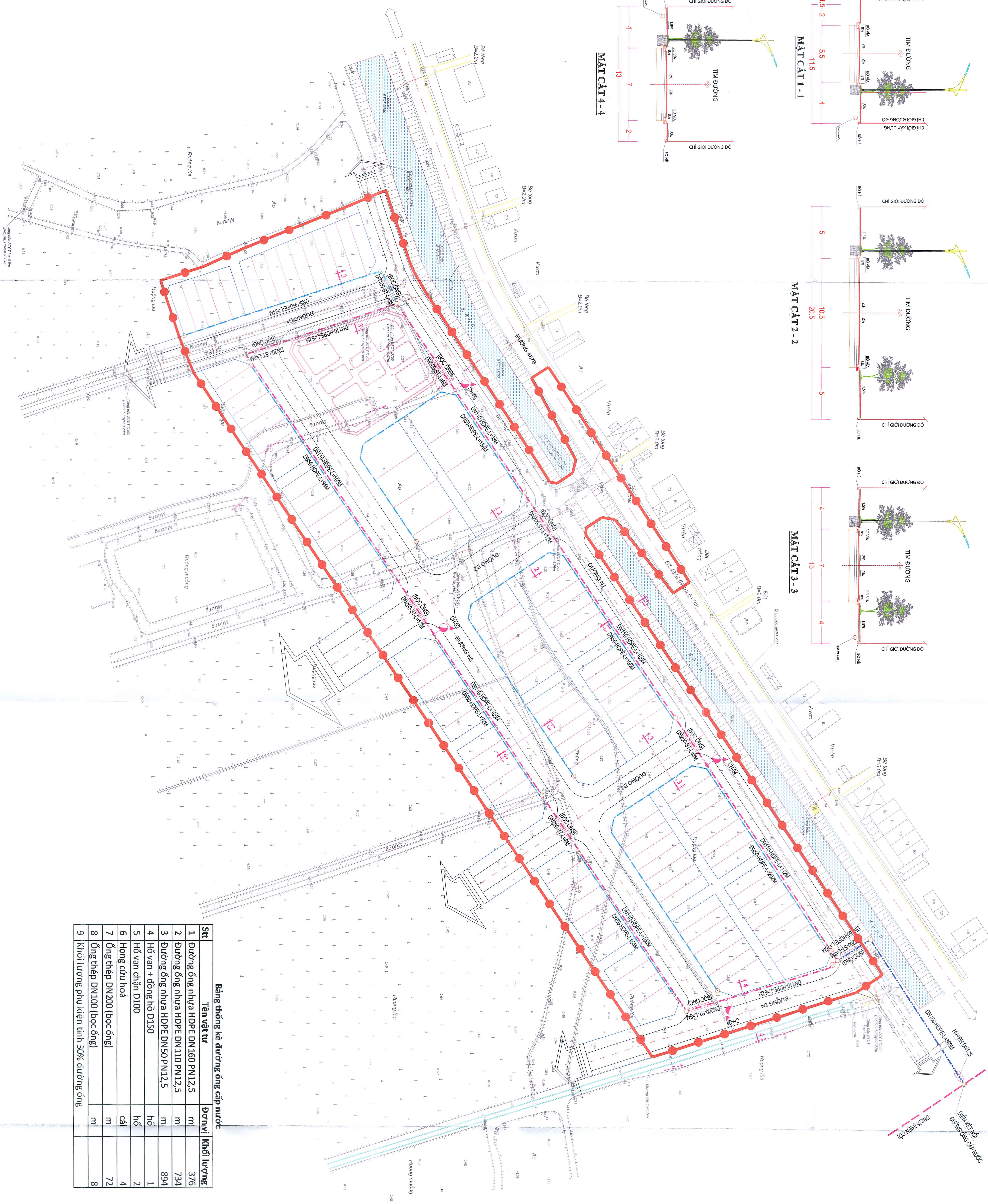
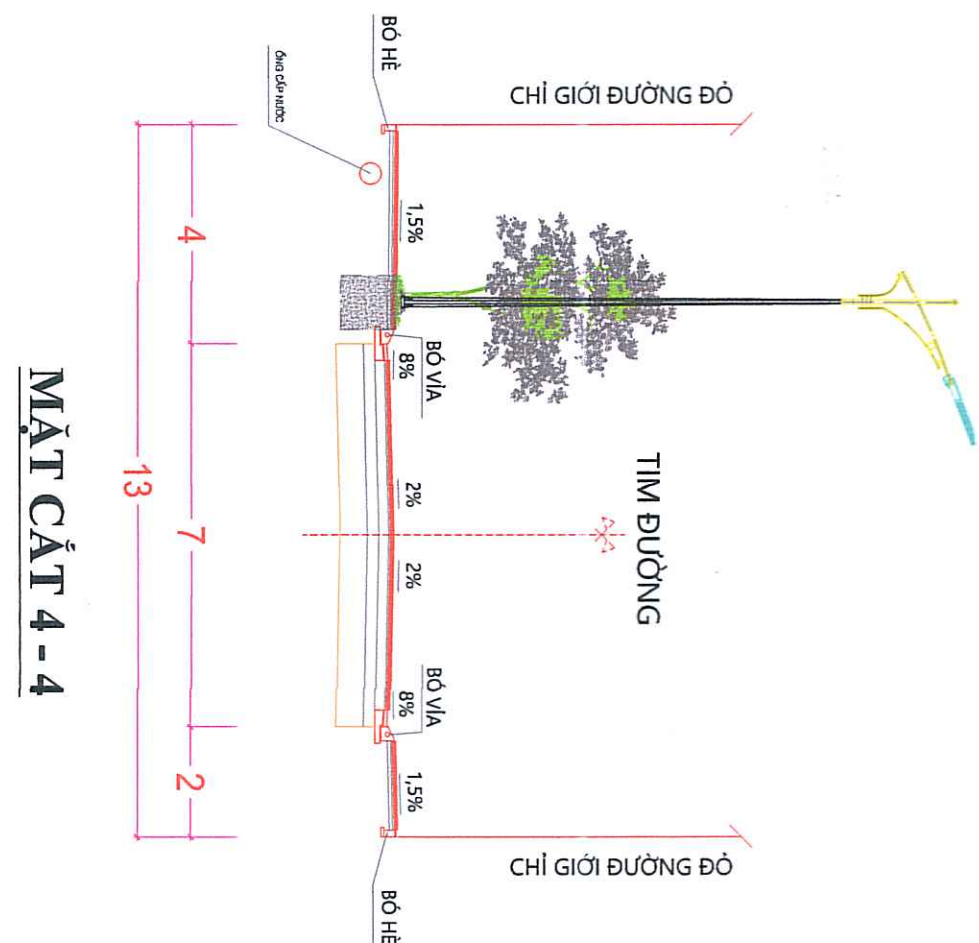
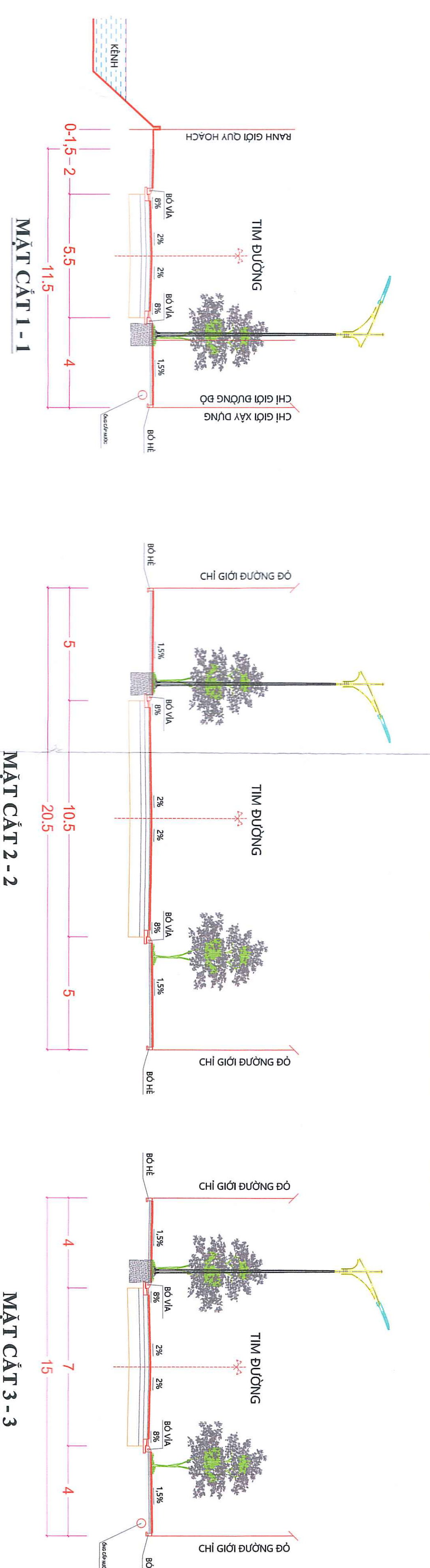
TRƯỜNG KINH TẾ

TRƯỜNG KINH TẾ

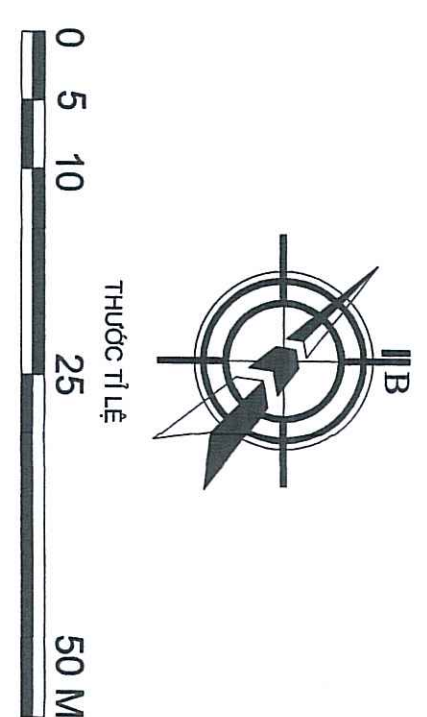
TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NAM NINH - TỈNH NINH BÌNH

TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC (TL: 1/500)



Bảng thông số đường ống cấp nước		
STT	Tên vật tư	Đơn vị
1	Đường ống nhựa HDPE DN160 PN12,5	m
2	Đường ống nhựa HDPE DN110 PN12,5	m
3	Đường ống nhựa HDPE DN50 PN12,5	894
4	Hé van + đồng hồ D150	hố
5	Hé van chặn D100	hố
6	Hong cầu hoá	2
7	Ống thép DN200 (loại ống)	cái
8	Ống thép DN100 (loại ống)	m
9	Khoản lượng phụ kiện tính 30% đường ống	8



- | MATERIALS | |
|---|----------------------------------|
|  | ÔNG CÁP NƯỚC HDPE D225 HẸN C |
|  | ÔNG CÁP NƯỚC HDPE D160 |
|  | ÔNG CÁP NƯỚC HDPE D110 |
|  | ÔNG CÁP NƯỚC HDPE D80 |
|  | CÁP VAN + ĐỒNG HỒ D125 |
|  | TRỤ CỨU HÒA |
|  | TẾT ĐIỆN - CHẤT LIỆU - CHIỀU DÀI |
|  | BẢNG GIỚI DUY HOÀNH |

KÍ HIỆU:

UBND XÃ NAM NINH

PHÒNG KINH TẾ XÃ HỘI NAM ĐỊNH

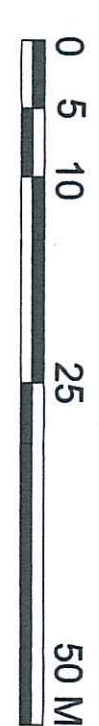
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ NAM NINH 30

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500
KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG, XÃ NAM HOA 2, HUYỆN NAM TRỰC
TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

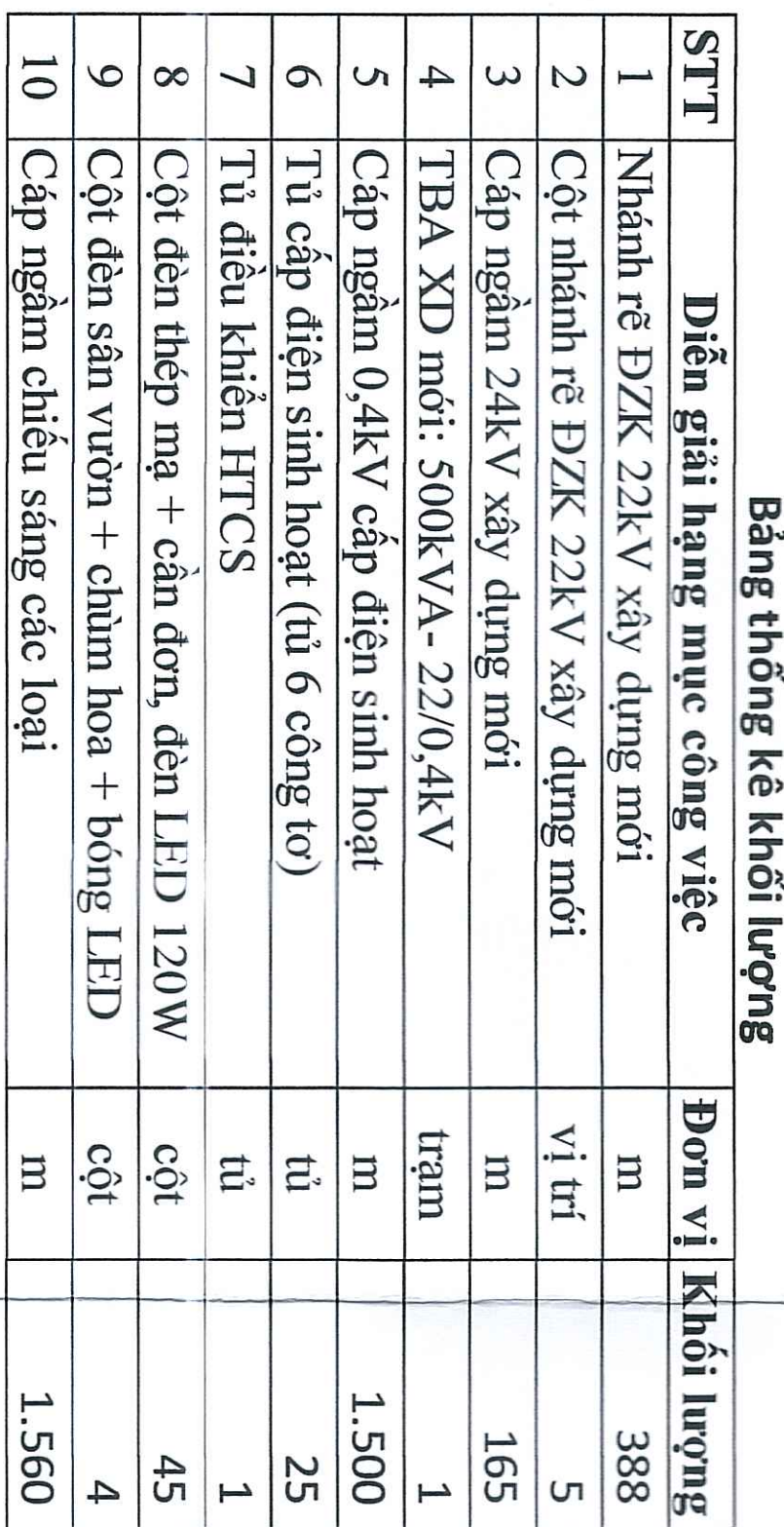
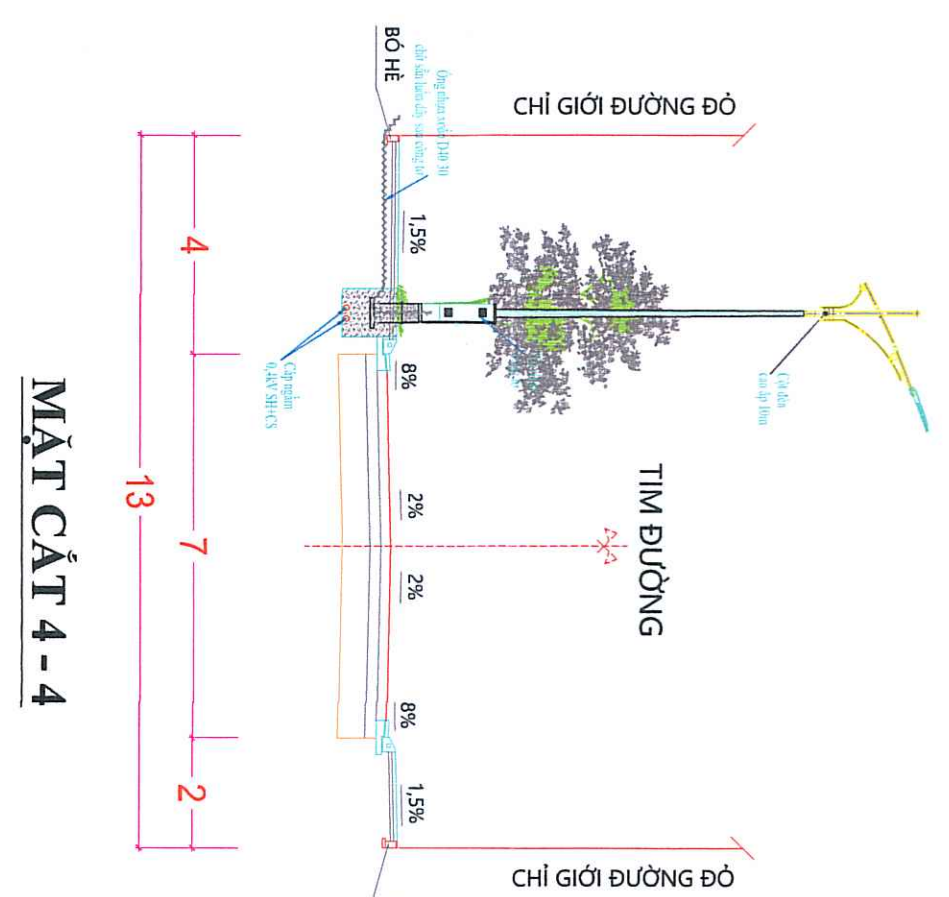
Số	Ngày / Tháng / Năm	Họ và Tên / Chức vụ
		KTS. BÙI HOANG NAM
		KTS. BÙI HOANG NAM
		KTS. NGUYỄN VĂN NHƯNG
		KTS. NGUYỄN VĂN NHƯNG

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NAM NINH - TỈNH NINH BÌNH

THUỐC TI LỆ
25
50 M



	CỘT ĐERN BẮC (V) XÂY DỰNG MỘT
	BƯỞNG DÂY NHỎM CHUỖI SANG
	BƯỞNG DÂY NHỎM 0,4KV XÂY DỰNG MỘT
	BƯỞNG CÁP NHỎM 2KV XÂY DỰNG MỘT
	BƯỞNG DÂY TRÊN KHÔNG 22KV XÂY DỰNG
	TỔ CƠNG TỎ (M CƠNG TỎ)
	TRẢM BIỂU AP XÂY DỰNG MỘT
	TỔ BIỂU KHIỂN ANH SANG
	CỘT ĐERN CHUỖI SANG - CỘT ĐERN SANG VẬT
	NHỎM GIỚI DUY NHỎM



STT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
1	Nhà thờ ĐZK 22kV xây dựng mới	m	388
2	Cột nhảu thờ ĐZK 22kV xây dựng mới	vị trí	5
3	Cáp ngầm 24kV xây dựng mới	m	165
4	TBA XD mới: 500KVA- 22/0,4kV	trạm	1
5	Cáp ngầm 0,4kV cấp điện sinh hoạt	m	1.500
6	Trụ cấp điện sinh hoạt (tủ 6 công tơ)	tủ	1.500
7	Trụ cấp điện HTCS	tủ	1
8	Cột đèn thép mạ + chấn đèn, đèn LED 120W	cột đèn	45
9	Cột đèn sân vườn + chấn hoa + bóng LED	cột đèn	4
10	Cáp ngầm chiếu sáng các loại	m	1.560

Bảng thống kê khối lượng

CHỦ TỊCH
LƯU VĂN DŨNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Giám Quản Miền

BAN QLDA ĐẦU TƯ XÃ XÂY DỰNG NAM NINH 

GIÁM ĐỐC
BỊ THƯ ĐIỀU HÀNH

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

KHU DẪN CỤ TẬP TRUNG, XÃ NAM HOA 2, HU

TỔNG MẶT BẰNG CUNG CẤP NĂNG LƯỢNG VÀ

[illegible]

Tr Lf: 1 / 560

KHOA SÀI GÒN ĐÔNG PHƯƠNG
KTS: BÙI HOÀNG NAM

KTS NGUYỄN VĂN TRUNG

KTS. NGUYỄN VĂN TRUNG

GIẤM ĐỐC

CONETTY
CỔ PHẦN

NADECO

ĐONG THI - T. NH

TRẦN THỊ MẠNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NADECO

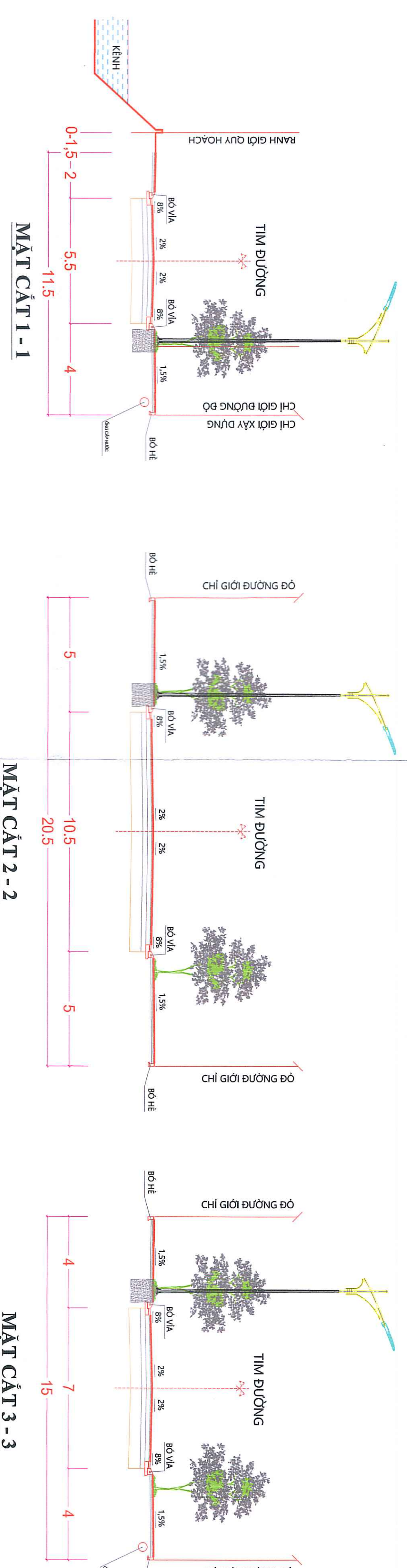
Địa chỉ: Km 2 Đường Văn Cao - Phường Trưng
Bến - Quận 3 - Hồ Chí Minh. FAX: 0150. 666.5

gười hoặc chi phí từ 1/500 khu dân cư tập trung, xã Nam Hòa 2

Journal of Management Studies, 19(6), 701-718.

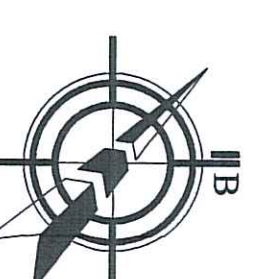
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NAM NINH - TỈNH NINH BÌNH

TỔNG MẶT BẰNG HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG (TL: 1/500)



Bảng thống kê khối lượng			
stt	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Cáp viễn thông	m	1.033
2	Ga, hào	ga	22

KÍ HIỆU:



0	5	10	25	50 M

- ☐ CÁP NGÀM VIÊN THÔNG
 - ☐ GA HÀO KỶ THUẬT
 - ☐ RÀNH GIỚI QUY HOẠCH

UBND XÃ NAM NINH

CHỦ TỊCH
LƯU VĂN DỨNG

PHÒNG KINH TẾ XÃ HỘI NAM NINH

BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ NAM NINH 2024

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/50
KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG, XÃ NAM HOÀ 2, HUYỆN

TỔNG MẶT BẰNG HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG - 09	TR. LÊ: 1/2001
CHỈ NHẬN	KHOA CÔNG NGHỆ MÀM

ĐẠI LÝ THUẬT	KTS. BUI HOANG NAM
TRƯỞNG MIỀN	KTS. NGUYỄN VĂN TRUNG

IBH1 K1	K1: NGUYEN VAN HUNG
---------	---------------------

941

TRON THE MAN

NADECO
CÔNG TY CỔ PHẦN NADECO

TÊN CÔNG TRÌNH QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/550 KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG, XÃ NAM HOA 2, HUYỆN NAM TRỰC